

CỤM DI TÍCH ĐÌNH CHÙA QUÁN TÌNH- PHƯỜNG GIANG BIÊN

~o0o~

ĐÌNH QUÁN TÌNH

(PHƯỜNG GIANG BIÊN, QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

Giang Biên, tức Vía Đàm xưa, hiện là một phường thuộc quận Long Biên, thành phố Hà Nội, gồm hai làng Tình Quang và Quán Tình. Vào cuối thời Nguyễn, Tình Quang và Quán Tình là hai đơn vị hành chính độc lập, thuộc tổng Đặng Xá, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Làng Quán Tình có tên Nôm là Kẻ Tạnh. Người dân trong làng vẫn còn truyền nhau câu chuyện về sự tích “Quán Tạnh” như sau: Vào một năm nọ, trời nổi mưa to, gió lớn hàng tháng liền, gây ngập lụt lớn, kinh đô Thăng Long ngập hàng thước nước, các vùng xung quang cũng bị ngập lụt. Dân chúng rất khổ sở vì nạn mưa và lụt lội. Lúc ấy, công chúa Ngọc Hân trên đường qua vùng này, khi đi đến đây, vào quán đầu làng trú mưa thì mưa tạnh và cái tên Kẻ Tạnh được công chúa Ngọc Hân đặt cho làng để thể hiện tình cảm của mình với người dân nơi đây.

Nguyên ủy, làng Quán Tình nằm phía trong đê, làng có xóm trên, xóm dưới, đến năm 1956, các xóm trên và xóm dưới được đổi tên thành xóm Đồng Tâm và Đồng Thanh. Ngoài ra, làng còn có một xóm nhỏ ngoài đê là xóm Hòa Bình. Trong làng có ba dòng họ chính, là: Vũ, Nguyễn, Trần. Quán Tình từng nổi tiếng với nghề trồng đay vện vông.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, nhân dân Giang Biên cùng cả nước đã giành được những chiến công oanh liệt trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước, viết nên những trang sử truyền thống vẻ vang của địa phương và góp phần tô thắm thêm truyền thống vinh quang của Thủ đô. Bên cạnh đó, Giang Biên còn có truyền thống văn hóa từ rất lâu đời. Trên địa bàn xã, các di tích lịch sử - văn hóa (đình, đền, chùa, miếu, từ chỉ) được phân bố ở hầu hết các thôn, đa số được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII - XVIII.

Đình Quán Tình thờ tướng quân Nguyễn Nộn, một nhân vật lịch sử cuối thời Lý - đầu thời Trần. Qua tư liệu lịch sử và truyền thuyết, sự tích của thần được ghi nhận như sau:

Nguyễn Nộn là người xã Phú Dực (huyện Tiên Du) nay là xã Phù Đổng, Gia Lâm. Theo *Đại Việt sử lược*, ông là người có gương mặt đẹp, lại có lòng bao dung, có tính bình thản thanh thoát. Phả hệ họ Nguyễn chép, ông là cháu 5 đời của Định Quốc công Nguyễn Bặc (thời nhà Đinh).

Hiện sử sách ghi chép về ông cũng khá sơ sài. *Việt sử tiêu án, Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều cho biết: Nguyễn Nộn vốn là một cư sĩ ở hương Phù Đổng. Tháng 8 năm 1218, ông bắt được vàng và ngọc mà không đem dâng vua Lý Huệ Tông, nên bị triều đình xuống chiếu bắt giam.

Tháng 2 năm 1219, quyền thần Trần Tự Khánh thấy ông là người có tài, bèn tâu với vua Huệ Tông xin tha cho Nguyễn Nộn, cho đi theo quân đánh giặc để chuộc tội. Vua Huệ Tông chuẩn tâu. Tháng 10 năm đó, Tự Khánh sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh người Man ở Quảng Oai. Tháng 3 năm 1220, Nguyễn Nộn nhân cầm quân trong tay không trở về triều, trấn giữ hương Phù Đổng, tự xưng là Hoài Đạo Vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp loạn để chuộc tội. Vua Huệ Tông sai người đem sắc thư đến tuyên dụ. Song, vì vua có bệnh, không thể chế ngự được, trong khi họ Trần cũng đang mưu tính đoạt ngôi nhà lý nên chưa tính tới Nguyễn Nộn.

Đại Việt sử lược, cuốn sử ra đời vào thời Trần lại cho biết: Nguyễn Nộn vốn là bộ tướng của tướng Trần Tự Khánh, theo Tự Khánh tham gia vào những cuộc chinh chiến với các sứ quân và chống lại nhà Lý từ đầu thời Lý Huệ Tông chứ không phải tới năm 1218 ông mới xuất hiện trên chính trường. Cũng theo sách này, năm 1213, Trần Tự Khánh sai người sang Bắc Giang mời ông (Nguyễn Nộn) về. Nguyễn Nộn về đến nơi, Trần Tự Khánh dùng dây thép trói lại năm vòng, giam cầm ông. Tuy nhiên, chưa rõ vì lý do gì mà Nguyễn Nộn bị Tự Khánh bắt giam.

Tháng 9, Trần Tự Khánh mở trói dây thép cho Nguyễn Nộn. Tuy ở trong cảnh ngục tù mà thần sắc Nguyễn Nộn vẫn giữ được vẻ tự nhiên. Khi thấy bọn dưỡng sĩ nhảy, ông liền mang theo cả cái dây xích sắt mà nhảy và nhảy mạnh hơn bọn dưỡng sĩ. Trần Tự Khánh trông thấy, lấy làm lạ, bèn thả ông, cho làm tướng và đem người con gái của bà di gả cho ông. Sau đó, Tự Khánh lại trao cho ông hai ấp là Trần Khê và Cả Lũ.

Năm 1213, Nguyễn Nộn cầm một cánh quân họ Trần chống lại quân triều đình do đích thân Lý Huệ Tông và Thái sư Đàm Dĩ Mông chỉ huy. Ông cùng các tướng họ Trần đánh bại quân nhà Lý. Em họ Trần Tự Khánh là Trần Thủ Độ cùng Trần Hiến Sâm ở tả ngạn tiến đánh thắng quân triều đình. Nguyễn Nộn từ Quốc Oai tiến đến chợ Dừa, cùng Phan Lân đánh thắng các tướng ở Hồng Châu là Đoàn Cầm, Vũ Hốt. Lý Huệ Tông thất thế phải chạy lên Lạng Châu.

Sau trận này, ông được Trần Tự Khánh giao trấn giữ vùng Bắc Giang. Trần Tự Khánh lên Lạng Châu rước Huệ Tông không được, liền lập hoàng thân khác lên ngôi, tức là vua Càn Ninh.

Năm 1214, an hem họ Đoàn tấn công đất Bắc Giang. Hai bên đánh nhau ở núi Đông Cứu (Gia Lương, Bắc Ninh), Nguyễn Nộn giết chết Đoàn Nguyễn, nhưng cũng bị thương ở lưng.

Tuy nhiên, lúc này nội bộ phe Trần Tự Khánh xảy ra phản loạn lớn. Tướng ở Cam Giá (thị xã Sơn Tây) là Đỗ Bị lại nổi lên chống cự. Nhân thời cơ đó, Nguyễn Nộn cũng phản lại Trần Tự Khánh, xây dựng một thế lực rất lớn. Do việc cát cứ của Đỗ Bị, Nguyễn Nộn, kinh thành Thăng Long bị uy hiếp. Trần Tự Khánh lấy hết vàng bạc, của cải các kho và phóng hỏa đốt kinh đô, rồi đưa vua mới là Càn Ninh xuống hành cung Lý Nhân (Hà Nam).

Nguyễn Nộn đem binh đến Thăng Long đánh nhau với Trần Tự Khánh. Huệ Tông và Thái hậu khi đang trên đường từ Nam Sách trở về Thăng Long, phong cho Nguyễn Nộn tước hầu để mượn tay Nộn chống lại họ Trần. Từ đó, cục diện trong nước lúc này hình thành ba thế lực: Phía Bắc là Nguyễn Nộn, phía Đông là Đoàn Thượng, phía Nam là Trần Tự Khánh.

Tháng 1 năm 1215, hai tướng của Trần Tự Khánh là Nguyễn Đường và Nguyễn Giai thông đồng với Nguyễn Nộn đánh Trần Tự Khánh, nhưng Đường và Giai lại hàng Trần Tự Khánh. Tháng 2, Nguyễn Nộn được phong tước vương. Tháng 3, Nguyễn Nộn đánh thắng Nguyễn Đường và Nguyễn Giai.

Sau đó, một loạt lực lượng cát cứ khác nổi dậy chiếm cứ các nơi. Sau nhiều lần bôn tẩu, cuối cùng, đến năm 1216, Lý Huệ Tông buộc phải dựa vào anh vợ là Trần Tự Khánh là lực lượng mạnh hơn cả. Trần Tự Khánh lại phụng thờ Huệ Tông, mượn tiếng Huệ Tông để chinh phục được nhiều sứ quân khác. Huệ Tông hạ chiếu cho Nguyễn Nộn làm lính thường.

Kết cục của Nguyễn Nộn cũng được sử sách ghi chép không thống nhất. Các nguồn sử liệu khác nhau ghi chênh lệch về thời gian khá nhiều. Chỉ có một điểm chung duy nhất, là các nguồn sử sách đều xác nhận ông chết vì bệnh.

Theo Đại Việt sử lược, tháng 6 năm 1219, Trần Tự Khánh sai tướng Vương Lê đem binh về Nam Sách đánh Nguyễn Nộn. Quân hai bên giằng co, Trần Tự Khánh không thắng nổi quân của Nộn. Tháng chạp, Nguyễn Nộn bị bệnh nặng. Khi quân của Trần Tự Khánh đang đóng ở bên Triều Đông thì Nguyễn Nộn đã chết rồi. Ngày Canh Ngọ, tướng của Nộn là Phi Thám ra đầu hàng Trần Tự Khánh, có mang theo thái hậu và các công chúa (con vua Huệ Tông).

Như vậy, trong khi vua Huệ Tông trong tay Trần Tự Khánh thì có một bộ phận tôn thất nhà Lý lại trong tay Nguyễn Nộn.

Theo các sách sử khác, sau năm 1219, Nguyễn Nộn vẫn còn hoạt động. Năm 1220, trong khi các sứ quân khác bị dẹp thì Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng vẫn là hai sứ quân tồn tại chống lại triều đình (trong tay họ Trần).

Năm 1223, Trần Tự Khánh chết, em ruột là Trần Thừa và em họ là Trần Thủ Độ lên thay nắm quyền điều hành việc triều đình. Thế quân của Nguyễn Nộn ngày càng mạnh. Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang, Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu.

Năm 1225, Trần Thủ Độ chủ xướng việc nhà Trần thay nhà Lý và lo việc đánh dẹp. Tuy nhiên, bấy giờ Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng binh thế còn mạnh, chưa dễ hàng phục được, Trần Thủ Độ bèn phong cho Nộn làm Hoài Đạo Vương, chia cho các huyện Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ, Đông Ngạn.

Tháng 12 năm 1228, Nguyễn Nộn đánh bại và giết chết Đoàn Thượng. Nhân đó, ông gộp cả quân của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng. Thanh thế của Nguyễn Nộn rất lẫy lừng. Trần Thủ Độ lo lắng, chia quân chống giữ và sai sứ đem thư đến chúc mừng, gia phong Nộn làm Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương. Sau đó, Thủ Độ lại đưa công chúa Ngoạn Thiềm gả cho ông để ngầm dò la tin tức. Biết ý Thủ Độ muốn dùng công chúa để lung lạc mình và dò la tin tức, ông cho nha tướng canh giữ chỗ ông ở. Vì thế, công chúa không thể báo được tin gì cho triều đình.

Tháng 3 năm 1229, Nguyễn Nộn tự xưng là Đại Thắng Vương, ham chơi buông thả, chè chén chơi bời bừa bãi. Tuy nhiên, ông cũng tự lượng sức, biết thế mình không thể cùng đối lập với nhà Trần, định đến tháng 10 sẽ vào châu, song còn do dự chưa quyết. Cuối năm đó, ông ốm nặng, triều đình sai nội nhân tới hỏi thăm. Nguyễn Nộn cố gượng ăn cơm, phi ngựa để tỏ ra còn khỏe mạnh, nhưng không bao lâu thì ông qua đời. Lực lượng của ông nhanh chóng tan rã.

Như vậy, *Đại Việt sử lược* phản ánh hoạt động của Nguyễn Nộn từ năm 1213 tới 1219, còn “*Toàn thư*” và “*Cương mục*” nêu hành trạng của ông từ 1218 đến 1229.

Theo nhận định của một số nhà nghiên cứu, Nguyễn Nộn tham gia chính trường từ 1213 và theo Trần Tự Khánh như *Đại Việt sử lược* phản ánh. Tuy nhiên, các chuyên gia nghi ngờ về cái chết của ông (năm 1219). Theo nhóm ý kiến này, sau một trận thua quân Trần Tự Khánh, “vợ con Nguyễn Nộn đều bị bắt, Nguyễn Nộn mang theo 100 người về giữ Phù Ninh” và sau đó vẫn còn sống chứ không “ốm chết” như *Đại Việt sử lược* nêu. Ông tiếp tục tái lập lực lượng và giữ được Bắc Giang. Những sự kiện rong quăng đời sau đó của ông, như được gả công chúa Ngoạn Thiềm, giết được sứ quân Đoàn Thượng và xưng Hoài Vũ Đạo Vương như “*Toàn thư*” và “*Cương mục*” ghi. Ông ốm mất năm 1229.

Theo một số gia phả họ Nguyễn, Nguyễn Nộn là cháu 5 đời của Nguyễn Bặc và là tổ của họ Nguyễn ở Gia Miêu (Tống Sơn - Thanh Hóa), là tổ tiên của chúa Nguyễn. Tuy nhiên, chính sử nhà Nguyễn không xác nhận điều này. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của chính nhà Nguyễn - hậu thế của các chúa Nguyễn - xác nhận, Nguyễn Nộn là “người làng Phù Minh, huyện Tiên Du” (nay là Phù Dực, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội). Như vậy, Nguyễn Nộn không phải người Tống Sơn - Thanh Hóa...

Tương truyền, sau khi Nguyễn Nộn mất, dân Quán Tĩnh cùng các làng xã bên bờ Bắc sông Hồng đều lập miếu và tôn ông làm Thành hoàng làng, trải qua các triều vua đều gia phong mỹ tục.

Hiện nay, không có nguồn tư liệu nào ghi chép lại niên đại xây dựng đình Quán Tĩnh. Sự thiếu vắng của nguồn tư liệu thành văn đã không cho phép xác định niên đại xây dựng của ngôi đình một cách chính xác.

Qua tìm hiểu lịch sử hình thành đình Quán Tĩnh và sự tồn tại của ngôi đình trong quá trình lịch sử đến nay, để xác định niên đại của di tích, có thể dựa vào những tư liệu, hiện vật còn lại gắn với sự tồn tại và phát triển của ngôi đình.

Hiện di tích còn lưu giữ được 02 tấm bia, trong đó có bia dựng ngày mùng 1 tháng 1 năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779). Theo đó, bước đầu có thể đoán định, ngôi đình hiện nay ít nhất đã xuất hiện từ thế kỷ XVIII, trước năm (1779).

Trải qua thời gian dài tồn tại, đình Quán Tĩnh đã được trùng tu nhiều lần. Trước kia, đình nằm ở vị trí dưới vườn, sau được làm lên ao miếu. Hiện di tích, còn lưu giữ được dòng lạc khoản trên nóc nhà hữu vu đề “Duy Tân Giáp Dần niên, trọng đông thụ trụ thượng lương đại cát” - Ngày tốt, tháng giữa Đông, năm Giáp Dần, niên hiệu Duy Tân (1914) cất nóc nhà hữu vu. Năm 1950, hậu cung của đình bị Pháp phá hủy. Hòa bình lập lại, di tích được sử dụng làm trường học. Các đồ thờ tự của đình phần lớn bị mất mát và hư hỏng. Năm Giáp Thân (2004), chính quyền và nhân dân địa phương trùng tu lại toàn bộ ngôi đình trên vị trí và khuôn viên cũ, quy mô giữ nguyên vẹn đến hiện nay.

Đình Quán Tĩnh tọa lạc trên một khu đất rộng thoáng ven đê sông Đuống, phía trước có hồ nước rộng, giữa hồ có gò đất cao tạo cảnh quan đẹp, tiếp đến là nghi môn (gồm một cửa giữa và hai cửa tả, hữu), sau đến sân lễ hội và khu kiến trúc chính chiếm lĩnh vị trí trọng tâm.

Mở đầu di tích là nghi môn, được tạo kiểu tứ trụ. Đình trụ là bốn chim phượng chụm đuôi vào nhau dưới dạng lá lật, bốn đầu phượng quay về bốn hướng tạo thành hình trái giảnh. Phía dưới tạo hình lồng đèn trang trí tứ linh (long, ly, quy, phượng). Phần thân của trụ biểu được tạo khung để đắp câu đối chữ Hán. Để trụ thất cổ bông. Đình của hai trụ phụ được trang trí hai tượng nghê trong tư thế

châu xuống. Phía dưới tạo hình mũi lượn, lồng đèn, phần thân của trụ biểu cũng được bỏ khung (để trơn không trang trí), để trụ thất cổ bông. Phần nối tiếp giữa các cột trụ chính và cột phụ được làm hai cửa tả, hữu dưới dạng mái chông diêm (hai tầng mái), đỉnh mái trang trí đề tài lưỡng long châu nhật/nguyệt. Phần cổ diêm bỏ khung hình chữ nhật đề ba chữ “Đình Quán Tình”. Hai bên cổng tả, hữu đắp nổi bức phù điêu quan giám sát.

Qua cổng là một lối đi rộng, hai bên trồng cau và các loại cây lưu niên để tạo cảnh quan. Tiếp theo, là một sân lễ hội rộng lát gạch đỏ, kích thước (30 x 30)cm. Qua bậc tam cấp lát đá xanh dẫn lên khu kiến trúc chính.

Đại đình được xây dựng trên một khu nền cao, có mặt bằng kiến trúc dạng chữ “Đình”, gồm tiền tế và hậu cung.

Tiền tế là một nếp nhà 5 gian, 2 chái, xây gạch, lợp ngói. Các góc mái được uốn cong vút, tạo cảm giác bay bổng cho toàn bộ kiến trúc. Chính giữa bờ nóc trang trí đề tài lưỡng long châu nhật/nguyệt. Phía trước mở hệ thống cửa bức bàn kiểu thượng song hạ bản ở ba gian giữa, hai gian hồi làm hệ thống song gỗ. Hai bên tường hồi tả, hữu mở hai cửa sổ trang trí chữ “Thọ” nhằm tạo độ thoáng cho không gian bên trong.

Cấu trúc bộ khung gỗ khá vững chắc, với 6 bộ vì kèo được làm theo dạng thức “giá chiêng chông rường con nhị”, tì lực trên 5 hàng chân cột. Các đầu bẩy phía sau ăn mộng vào cột lững và gác trực tiếp trên tường hậu. Kết cấu vì gồm những con rường kê lên nhau qua những đầu vuông thót đáy, dày, cao. Các rường ngắn dần về phía thượng lương, để con rường cuối cùng đội thượng lương qua một đầu nhỏ được trang trí hình chữ Triện. Để tránh sự nặng nề cho bộ vì nóc và thỏa mãn nhu cầu mở rộng lòng nhà, các nghệ nhân đã thay con rường ở sát câu đầu bằng một đôi rường cụt. Kết cấu này vừa mang tính chất chông rường, vừa mang tính chất giá chiêng. Song, chiếc cột trốn của giá chiêng được thay thế bằng con đường cụt để đội đầu rường trên. Toàn bộ hệ thống trên được đỡ bởi một quả giang to, khỏe, chạm khắc hoa văn thực vật, được ăn mộng vào đầu hai cột cái.

Hậu cung gồm 3 gian chạy dọc, nối với gian giữa tiền tế tạo thành kết cấu kiểu chữ “Đình”. Các bộ vì được làm giống như ngoài tiền tế.

Ngoài kiến trúc chính, đình Quán Tình còn hai dãy tả, hữu vu, mỗi dãy 5 gian 2 dĩ, mái lợp ngói ta, nền lát gạch Bát, kích thước (30 x 30)cm.

Nhìn tổng thể, trang trí kiến trúc của đình vẫn bảo lưu được phong cách nghệ thuật dân gian truyền thống (thế kỷ XX), với những hình tượng gắn với cầu mùa, phát sinh, phát triển... - những ước vọng truyền đời của người nông dân.

Về không gian nội thất và thờ tự: gian giữa tiền tế bài trí một hương án cùng các đồ tế tự. Đây là nơi diễn ra các nghi lễ phụng thờ Thành hoàng làng. Hai bên bài trí chiêng và trống theo quan niệm “tả chinh, hữu cổ” (bên trái treo chiêng, bên phải treo trống). Hồi bên trái thờ hậu thần, hồi phải bài trí kiệu long đình. Các gian bên để trống, làm nơi hội họp mỗi khi có việc làng. Trong tòa hậu cung xây một bệ gạch cao, bên trên bài trí các đồ tế tự và 01 bộ long ngai Thành hoàng làng - “Phụng sự thần hoàng Nguyễn Nộn”. Trên các di vật của đình, như long ngai, bài vị, hạc thờ, kiệu... chủ yếu trang trí đề tài tứ linh. Đôi hạc thờ với chân cao, cổ cao, đường nét mềm mại uyển chuyển, được đặt trên lưng rùa mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX - XX.

Sau một thời gian gián đoạn, trong những năm gần đây, lễ hội Quán Tình đã được phục hồi, thu hút được sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng và du khách thập phương. Theo thông lệ, cứ 5 năm làng tổ chức hội lớn một lần, vào ngày mùng 7 - 8 tháng Hai để tưởng nhớ công đức của vị thần. Trong ngày chính hội, sau lễ khai mạc, dân làng tổ chức rước nước từ sông Đuống về đình. Đoàn rước xuất phát từ sân đình ngược lên đê sông Đuống, đến cầu Đuống để lấy nước. Sau khi lấy nước ở giữa sông Đuống, đoàn rước trở về đình, dân làng tổ chức tế thánh. Chủ tế thường là người cao niên có phẩm hàm hay đỗ đạt, thân nhân trong sạch, trai gái đê huê, nhà không vương bụi (có tang)... Trong đòan tế còn có 4 quan viên bồi tế và những người chấp sự... Trước đây, làng chỉ có đội tế nam, hiện nay còn có thêm đội tế nữ.

Theo tục lệ, ban tổ chức lễ hội dành riêng ngày 7 tháng Hai để dân làng và khách thập phương lễ thánh. Nhân dân háo hức, thành tâm sắm lễ mang ra đình, với mong ước một năm mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi, nhà nhà no đủ...

Trong ngày chính hội, có cả ngàn người đến với lễ hội Quán Tình, tiếng trống đình, tiếng chuông chùa, tiếng nhạc của hội bát âm, tiếng phách sinh tiền đã tạo nên quang cảnh ngày hội làm nức lòng người. Ngoài những lễ nghi, trong hội còn những hoạt động văn hóa dân gian vô cùng đặc sắc, như đấu vật, bóng chuyền, đánh cờ, đàn võng truyền thống.

Trong bối cảnh náo nhiệt của xu thế đô thị hóa hiện nay, sự tồn tại của đình Quán Tình cùng với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học liên quan đã góp phần làm phong phú thêm hệ thống di tích lịch sử - văn hóa trong khu vực và Thủ đô. Đó là một điểm sáng văn hóa cần được bảo vệ và phát huy giá trị phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong hiện tại và tương lai./.

(Theo Hồ sơ xếp hạng di tích đình Quán Tình - Tư liệu Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Hà Nội).

Hình ảnh Di tích Đình Quán Tình



CHÙA QUÁN TÌNH (THÁI LINH QUÁN TỰ)

(PHƯỜNG GIANG BIÊN, QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

Chùa Quán Tình còn có tên gọi khác là “Thái Linh Quán tự” hay “Thái Linh quán”, nằm trên địa phận phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Cuối thời Lê Trung hưng, đầu thời Nguyễn, Quán Tình/Kẻ Tạnh là một xã thuộc tổng Đặng Xá huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (năm Minh Mạng thứ ba - 1822, đổi làm trấn Bắc Ninh, năm thứ 12 - 1831, đổi thành tỉnh Bắc Ninh). Trong kháng chiến chống Pháp, Quán Tình thuộc xã Trường Chinh, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Sau cải cách ruộng đất, xã Trường Chinh đổi tên thành Giang Biên...

Quán Tinh, tức Kẻ Tạnh (vùng trời quang đất tạnh) - Người dân trong làng vẫn còn truyền nhau câu chuyện về sự tích “Quán Tạnh” như sau: Vào một năm nọ, trời nổi mưa to, gió lớn hàng tháng liền, gây ngập lụt lớn, kinh đô Thăng Long ngập hàng thước nước, các vùng xung quanh cũng bị ngập lụt. Dân chúng rất khổ sở vì nạn mưa và lụt lội. Lúc ấy, công chúa Ngọc Hân, trên đường qua vùng này, khi đi đến đây, vào quán đầu làng trú mưa thì mưa tạnh và cái tên Kẻ Tạnh được công chúa Ngọc Hân đặt cho làng để thể hiện tình cảm của công chúa với nhân dân nơi đây.

Xưa kia, làng Quán Tinh nằm phía trong đê, có xóm trên và xóm dưới. Đến năm 1956, xóm trên và xóm dưới được đổi tên thành xóm Đồng Tâm và Đồng Thanh. Làng còn có một xóm nhỏ ngoài đê là xóm Hòa Bình.

Đến tháng 5/1961, xã Giang Biên cùng các xã của huyện Gia Lâm được chuyển về Hà Nội. Từ cuối tháng 11 năm 2004, xã Giang Biên được chuyển thành phường Giang Biên, thuộc quận Long Biên. Quán Tinh có 3 dòng họ chính là: họ Vũ, họ Nguyễn và họ Trần, từng nổi tiếng với nghề nghề trồng đay vện vông. Cùng với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, dựng làng giữ nước, Giang Biên còn có truyền thống lịch sử - văn hóa từ rất lâu đời. Trên địa bàn phường, các di tích lịch sử - văn hóa (đình, đền, chùa, miếu, từ chỉ) được phân bố ở hầu hết các thôn, đa số được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII - XVIII. Trong đó, có đình - chùa Quán Tinh, một cụm di tích có lịch sử lâu đời, gắn liền với lịch sử phát triển của địa phương.

Quán Tinh nằm ở ven sông Đuống, có bãi bờ màu mỡ, một điều kiện rất thuận lợi để dân làng canh tác hoa màu và trồng dâu nuôi tằm. Một số người dân trong làng từng buôn bán tre, gỗ - từ sông Đuống, theo sông Hồng, lên các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.

Sống ven sông Đuống, giữa một vùng chịu nhiều tác động của thiên nhiên và xã hội, nên người Quán Tinh có bản tính cứng cỏi, đủ sức chống chọi với thiên tai khắc nghiệt. Dưới thời quân chủ, làng có rất nhiều người theo nghiệp võ. Cuối thế kỷ XVIII, làng nổi lên với Vũ Văn Khuê, một viên quan võ, làm Tham Đốc Tứ thành, vào năm Đinh Mùi đời Chiêu Thống (1787), đã chiêu binh chống lại quân Tây Sơn, sau bị bắt và giết. Hai con của ông là Vũ Tuân và Vũ Hoan theo Chiêu Thống sang tận Yên Kinh (Trung Quốc) rồi chết ở đó. Làng thờ Hoài Đạo cư sĩ, vừa là một Nho sĩ, vừa là một Đạo sĩ, rất giỏi kiếm thuật, từng ở chùa Sùng Khánh (làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, nay thuộc huyện Gia Lâm). Vào đời vua Lý Huệ Tông (1211 - 1224), đất nước lâm vào cảnh loạn lạc, dưới đồng bằng, giặc cướp nổi lên như ong, vùng biên cương giặc Man gây nhiều, triều đình không thể dẹp yên được. Các quan trong triều đã tiến cử Hoài Đạo cư sĩ. Ông đã nhận lệnh lên đường dẹp loạn. Khi Trần Thủ Độ mưu toan soán ngôi nhà Lý, đưa Trần Cảnh lên ngôi để lập ra nhà Trần, với tư tưởng trung quân,

Hoài Đạo cư sĩ đã dấy quân chiếm cứ vùng Bắc Ninh - Bắc Giang, tự xưng là Hoài Đạo Vương, liên kết cùng Đoàn Thượng chống lại. Thủ Độ đem quân trấn dẹp nhưng không được, phải giảng hòa, rồi dùng kế ly tán để Hoài Đạo cư sĩ chống lại và đánh tan thế lực của Đoàn Thượng. Với thanh thế lẫy lừng, Hoài Đạo cư sĩ tự xưng là Đại Thắng Vương. Thủ Độ lo sợ, phải xin vua Trần phong cho Hoài Đạo cư sĩ làm Hoài Đạo Hiếu Vũ vương, lại gả cho công chúa Ngoạn Thiên. Sau đó, Hoài Đạo đã cùng công chúa lập tư dinh ở xã Ninh Giang (nay là đất Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm), cùng chung sống đến cuối đời. Sau khi ông mất, được an tang tại xứ đồng Mạc, làng Phù Dực (nay thuộc xã Phù Đồng). Nhiều làng ven sông Đuống tôn thờ Hoài Đạo làm Phúc thần, tế lễ long trọng vào ngày mùng Một tháng Ba, tức ngày hóa của ông.

Có lẽ, từ xa xưa, làng Quán Tĩnh đã có Đạo quán (Thái Linh quán), sau được chuyển hóa thành chùa - Thái Linh Quán tự. Tấm bia khắc năm Thịnh Đức thứ ba (1655) cho biết, Thái Linh Quán tự là cổ tích danh lam, triều trước dựng ở gần sông, sau bị trôi mất, nay phải dựng lại, do công của Chánh Vương phủ nội cung tần cung tiến của tiền.

Chùa quay hướng Đông Nam, gồm các hạng mục chính: cổng, sân, tiền đường, thượng điện, điện Mẫu, nhà tăng, nhà bia, tháp mộ,...

Cổng chùa là một kiến trúc xây bằng gạch, với ba cửa ra vào, có mái che. Bên trên ghi bốn chữ "Thái Linh Quán tự". Qua cổng là một sân rộng lát gạch Giếng Đáy màu đỏ, có kích thước (30 x 30) cm. Sát hiên tiền đường đặt một lư hương đá, hai bên đặt 2 tượng sư tử hý cầu bằng chất liệu đá. Phía trước là một ao rộng, quanh sân là khu vườn chùa, trồng nhiều loại cây lưu niên, tạo cảnh quan bóng mát.

Tiền đường gồm 5 gian hai dĩ, xây gạch, được kết cấu theo dạng chông diêm, hai tầng tám mái, lợp ngói ta, với các hệ thống trần song con tiện bằng gỗ. Phía trước là một khoảng hiên rộng khoảng 1,6m, với 9 hàng chân cột bằng đá, hình trụ tròn, với mặt trước khắc câu đối bằng chữ Hán, bày hiên trang trí hình rồng lá, sư tử vờn cầu. Mặt trước tiền đường có hệ thống cửa bức bàn kiểu "thượng song hạ bản", phía dưới trang trí hoa sen, bên trên là chữ Phúc, hoa văn hình học, cuốn thư. Phần nền tiền đường được tôn cao hơn mặt sân, với chín bậc lên xuống, bằng chất liệu đá. Hành lang xung được cấu trúc theo dạng tường lững, có các cột trụ đỡ mái tạo sự chắc, khỏe cho kiến trúc, phía dưới các chân cột đá tạo tác hình hoa sen cách điệu. Bộ khung kiến trúc liên kết với nhau bằng các bộ vì kèo được làm theo dạng thức giá chiêng chông rường con nhị, hạ cốn mê, bày hiên, tì lực trên 4 hàng chân, gồm 2 hàng cột cái và một hàng cột hiên. Các bộ vì cột trốn tì lực lên hệ thống tường hậu phía sau. Phía trước, tiếp giáp với tường hồi là cột đồng trụ, bên trên đắp hình bốn con phượng, trong tư thế chụm đầu vào nhau, tạo hình trái giành. Phía dưới là các ô lồng đèn, bốn phía đắp đề

tài “tứ linh”. Thân trụ bồ ô đắp câu đối chữ Hán. Tiền đường là nơi bài trí tượng Đức Ông, Thánh Tăng, Hộ pháp (Khuyến Thiện, Trùng Ác). Các tượng này đều được đặt trên ban thờ cùng với hệ thống các đồ thờ khác, như bát hương, mâm bông, lọ hoa, chân đèn...

Thượng điện gồm 1 gian 2 dĩ, nối liền với gian giữa nhà tiền đường, với phần trong cùng được làm theo kiểu bát giác. Chính giữa xây bậc bên trên đặt 5 lớp tượng, gồm: Tam thế Phật; Di Đà Tam tôn; Hoa Nghiêm Tam Thánh; Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân; Phật A Di Đà (bằng đá xanh, cao khoảng 1,7m).

Các gian trong thượng điện đều treo cửa võng, trang trí bánh xe pháp luân và hoa cúc, bên dưới treo câu đối. Phía ngoài cùng, sát với gian tiền đường là tòa cửu long và tượng Thích Ca sơ sinh.

Điện Mẫu nằm bên cạnh chùa chính, mới được nhân dân tu bổ và tôn tạo. Chính giữa điện thờ là tượng đức Thánh Trần Hưng Đạo, vị tướng có công lớn trong sự nghiệp đánh giặc Nguyên - Mông bảo vệ xã tắc, phía dưới là Tam tòa Thánh Mẫu. Đây là một hình thức tín ngưỡng dân dã gắn Mẫu với chức năng tạo thiên, lập địa để mang tư cách như một anh hùng văn hóa của dân tộc...

Nhà Tăng ở phía sau, bên trái Tam bảo, được dựng năm 2005, gồm 5 gian tường hồi bít đốc. Nhà bia được dựng trong thời kỳ hòa bình lập lại để làm nơi thờ Phật tạm thời. Sau khi tu bổ Tam bảo thì kiến trúc này được chuyển thành nhà bia. Khu vườn tháp ở phía sau điện Mẫu.

Ngoài giá trị về mặt kiến trúc - nghệ thuật, chùa Quán Tĩnh còn lưu giữ được hệ thống văn bia, chuông, mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX, cùng một số đồ thờ tự khác. Đây là những di vật có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học, đồng thời còn là những di vật quý trong kho tàng di sản văn hóa nước ta, giúp cho các nhà nghiên cứu tìm hiểu về sự phát triển, hình thành của cư dân làng xã, góp phần quan trọng vào việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc.

Các hoạt động văn hóa, lễ hội luôn là một phần không thể thiếu trong mỗi di tích và góp phần không nhỏ vào việc duy trì bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy giá trị di tích, đưa đạo pháp đến với con người. Ngoài chức năng là nơi tu tập, hằng năm chùa Quán Tĩnh còn tổ chức các lễ tiết sau (tính theo lịch Âm):

- + Ngày 15/1: Lễ Thượng nguyên.
- + Ngày 08/2: Lễ vía Đức Phật Thích Ca xuất gia đi tu.
- + Ngày 15/2: Lễ vía Đức Phật Thích Ca nhập niết bàn.

- + Ngày 19/2: Lễ vía Bồ Tát Quan Âm.
- + Ngày 21/2: Lễ vía Bồ Tát Phổ Hiền.
- + Ngày 16/3: Lễ vía Đức Quan Âm chuẩn đề.
- + Ngày 04/4: Lễ vía Bồ tát.
- + Ngày 15/4: Lễ vía Đức Phật Thích Ca đản sinh (lễ Phật đản).
- + Tháng 6: Lễ vía Đức Bồ Tát Quan Âm thành đạo.
- + Tháng 7: Lễ vía Đức Đại thế Chí Bồ Tát.
- + Ngày 15/7: Lễ Vu Lan báo hiếu.
- + Ngày 30/7: Lễ vía Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.
- + Ngày 19/9: Lễ vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát xuất gia.
- + Ngày 17/11: Lễ khánh đản Đức Phật A Di Đà.
- + Ngày 08/12: Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hành đạo.
- + Các ngày lễ khác theo tín ngưỡng thờ Mẫu, giỗ tổ chùa...

Bên cạnh đó, những ngày tuần rằm, mừng một, hoạt động cúng lễ tại chùa vẫn diễn ra thường xuyên, đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh và tín ngưỡng của nhân dân địa phương.

Từ những nét khái quát trên đây, có thể nhận thấy, chùa Quán Tĩnh là một di sản kiến trúc - nghệ thuật có giá trị của cộng đồng sở tại cũng như của quận Long Biên. Việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích này hứa hẹn sẽ mang lại những đóng góp không nhỏ vào công cuộc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong bối cảnh hiện nay./.

(Theo Hồ sơ xếp hạng di tích chùa Quán Tĩnh - Tư liệu Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội).

Hình ảnh di tích chùa Quán Tình



Theo công thông tin điện tử phường Giang Biên